

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

PHÂN LOẠI TỪ NGỮ XUNG HỒ
TRONG KỊCH LƯU QUANG VŨ

CLASSIFICATION OF ADDRESSING WORDS IN LƯU QUANG VŨ'S DRAMAS

ĐÀM THỊ NGỌC NGÀ

(ThS-NCS; Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An)

Abstract: This article did statistics and classification of addressing word groups and made deep research on addressing word groups by words with original combination through which the role of addressing words in interactive conversation was shown.

Key words: Addressing words; drama; Lưu Quang Vũ.

1. Phân loại chung

Khảo sát 5 tác phẩm kịch tiêu biểu của Lưu Quang Vũ, chúng tôi nhận thấy, lối xưng hô rất đa dạng, gồm các danh từ, đại từ và các tổ hợp từ. Có thể hình dung bằng bảng dưới đây:

Bảng 1. Số lượng từ ngữ xưng hô được sử dụng trong 5 tác phẩm kịch của Lưu Quang Vũ (*Đơn vị tính: Lượt)

TT	Tác phẩm	Danh từ		Đại từ		Tổ hợp từ	
		Trao	Đáp	Trao	Đáp	Trao	Đáp
1	Nếu anh không đốt lửa	530	313	396	417	245	157
2	Tôi và chúng ta	521	460	403	377	304	209
3	Hồn Trương Ba, da hàng thịt	606	396	371	355	224	220
4	Điều không thể mất	606	324	221	287	237	192
5	Lời thề thứ 9	364	267	210	183	246	129
Số lượt từ xưng hô trao, đáp		2.627	1.760	1.601	1.619	1.256	907
Tổng cộng		4.387 (45%)		3.220 (33%)		2.163 (22%)	

Bảng thống kê cho thấy, có thể phân loại từ ngữ từ xưng hô được sử dụng qua các cấp trao - đáp trong kịch của Lưu Quang Vũ gồm 3 nhóm: 1/Xưng hô bằng danh từ: 4.387 lượt (tỉ lệ 45%); 2/ Xưng hô bằng đại từ: 3.220 lượt (tỉ lệ 33%); 3/ Xưng hô bằng tổ hợp từ: 2.163 lượt (tỉ lệ 22%).

2. Phân loại cụ thể

2.1. Xưng hô bằng danh từ

Cũng giống như cách xưng hô trong giao tiếp đời thường của người Việt, xưng hô danh từ trong kịch của Lưu Quang Vũ chiếm số lượng nhiều hơn cả (chiếm 45%). Có thể phân loại chúng thành các tiểu nhóm sau:

a. Danh từ thân tộc được sử dụng nhiều nhất trong kịch Lưu Quang Vũ với 3.357 lượt. Việc sử dụng danh từ thân tộc trong kịch của ông không chỉ giới hạn trong phạm vi gia đình, họ tộc mà còn dùng để kéo gần các mối quan hệ xã hội lại với nhau, rút ngắn khoảng cách giao tiếp

giữa các nhân vật. Các danh từ thân tộc thường dùng trong kịch Lưu Quang Vũ là: *anh, em, chị, cậu, cô, ông, bác, bà, thầy, cháu, con, chú, bà chị, u, cụ, em gái,...* Trong đó, danh từ *anh* được sử dụng nhiều nhất và không phải chỉ để thể hiện mối quan hệ tuổi tác mà chủ yếu là thể hiện mối quan hệ quyền lực (cấp dưới với cấp trên), thể hiện sự tôn trọng trong giao tiếp. Bên cạnh các danh từ thân tộc độc lập, còn có thể thấy, sự xuất hiện tương đối nhiều của các danh từ thân tộc được dùng theo kiểu "ghép", như: *bà chị, vợ anh, anh giai, bác giai, ông anh, ông nhà, chú em,...* Những cách kết hợp này trong xưng hô đã làm phong phú cho các cuộc giao tiếp và góp phần bộc lộ tư tưởng, tình cảm của các nhân vật đối thoại. Ví dụ:

(1) "Ông Hà: - *Hiển thân với cháu à? Người dưới đại đội, người trên trung đoàn, sao lại quen thân nhỉ?*

Vân: - Báo cáo bác, không phải a, bác yên tâm! Cháu với anh Hiền chỉ quen chứ không thân đâu c" [2, 11].

b. Danh từ riêng dùng để xưng hô chiếm số lượng nhiều thứ 2 trong nhóm xưng hô bằng danh từ (696 lượt). Tác giả chủ yếu sử dụng danh từ riêng là tên của các nhân vật để xưng hô như: Xuyến, Hiền, Nhâm, Minh, Hoàng Việt, Lê Sơn, Thanh, Định, Trương Ba, Đế Thích...

Việc sử dụng cách xưng hô này cho thấy tính lịch sự và mối quan hệ thân tình giữa người nói và người nghe vừa gần gũi nhưng không quá suồng sã. Xưng hô bằng tên riêng được sử dụng khá rộng rãi trong giao tiếp giữa các thành viên trong nhà (ví dụ, giữa Trương Ba với vợ, ông Hà với Hiền, Hoàng Việt với Hạnh và Hương...) cũng như ngoài xã hội (ví dụ, Định với Dũng, Ngà với Thanh, Việt với Lê Sơn...). Trong gia đình, vợ chồng gọi tên nhau, ông gọi tên cháu, bố gọi tên con..., thể hiện sự triu mến và yêu quý lẫn nhau. Theo văn hóa người Việt, chồng có thể gọi thẳng tên vợ, ví dụ:

(2). "Hương: Cứ tưởng cuộc sống cứ trôi như thế mãi. Bỗng rồi em nhận được thư anh, và em lên đây.

Hoàng Việt: Tôi viết thư cho Hương, cả cho anh ấy, anh Khánh" [3, 276].

Còn khi vợ gọi chồng, thường phải thêm danh từ thân tộc anh trước tên riêng để tỏ sự tôn trọng, ví dụ:

(3). "Lê: Anh Minh! Anh giận em sao?

Minh: Không, nhưng Lê a, sống với em nhiều lúc thấy... như ở ngoài nắng ấy, tình em gay gắt quá, việc gì cũng muốn làm tới cùng, mà anh thì... phải, anh không còn như lúc 20 tuổi..." [3, 369].

c. Danh từ chỉ quan hệ xã hội, nghề nghiệp, chức vụ chiếm số lượng ít nhất (334 lượt) nhưng cách xưng hô này thể hiện được vị thế xã hội của người tham gia giao tiếp và chỉ thấy xuất hiện ở ngôi thứ hai trong giao tiếp, như: giám đốc, kíp trưởng, chiến hữu, bác sĩ, dại đội trưởng, chư tiên, thiên binh, thủ trưởng, cánh vệ, đồng chí... Ví dụ:

(4). "Ông Hà: - Cậu có về đọc sách văn nghệ nhiều nhi?

Anh lái xe: - Thì lúc ngồi trên xe chờ thủ trưởng họp, em không biết làm gì lại đọc sách.

Mà thủ trưởng thì họp nhiều, đâm ra em có kiến thức" [2, 3].

(5). "Thanh: Đồng chí giám đốc về đây đã mười tháng mà chưa nhớ mặt hết các công nhân của xí nghiệp sao?

Hoàng Việt: Trách nhiệm của tôi không phải là để tâm đến dung nhan mọi người mà là theo dõi công việc của họ. Việc các đồng chí làm thì tôi biết..." [3, 234].

2.2. Xưng hô bằng đại từ

Xưng hô bằng đại từ nhân xưng được sử dụng ít hơn nhóm danh từ: 3.220 lượt (chiếm 33%). Theo thói quen trong giao tiếp, chúng ta thường kéo gần khoảng cách bằng việc sử dụng các danh từ thân tộc nên xưng hô bằng đại từ nhân xưng không chiếm ưu thế vì nó mang tính khách quan. Rất có thể, nếu sử dụng đại từ nhân xưng quá nhiều, khoảng cách giữa các nhân vật sẽ bị giãn ra và khó tạo sự cởi mở, thân thiện. Trong kịch của Lưu Quang Vũ, đại từ nhân xưng được dùng nhiều nhất là tôi với 1.978 lượt chiếm 61% số lượng đại từ tham gia vào xưng hô. Tiếp đến là các đại từ chúng ta (270 lượt), mình (232 lượt), ta (158 lượt), họ (156 lượt)... Chính tính nhân văn trong việc xây dựng nhân vật và tình huống kịch đã chi phối mặt khác việc sử dụng cách xưng hô như thế nào cho phù hợp ngữ cảnh. Rất ít khi các nhân vật tham gia giao tiếp trong kịch Lưu Quang Vũ vi phạm quy tắc xưng hô và thường đảm bảo được tính lịch sự trong giao tiếp. Ví thế, như: đi từ nhân xưng suồng sã, miệt thị, kém lịch sự không phải là lựa chọn của phong cách ngôn ngữ kịch Lưu Quang Vũ. Những đại từ sau được sử dụng rất hạn chế: hắn ta (1), bọn (1), tao (3), mày (13)... Ví dụ:

(6). "Ông Hà: Cùng nhóm gì? Nhóm ăn cướp à? Chúng đi đâu? Mà tại sao thằng Hiền lại phải trốn?

Bằng: Báo cáo, không phải họ đi trốn vì sợ bị bắt đâu a. Họ đi có việc của họ, họ đã dự định..." [2, 25].

2.3. Xưng hô bằng tổ hợp từ

Trong kịch Lưu Quang Vũ, cách xưng hô bằng tổ hợp từ tuy có lượt dùng thấp hơn hai nhóm đại từ và danh từ (với 2.163 lượt, chiếm 22%) nhưng chúng có cấu tạo khá phong phú,

đa dạng. Các tổ hợp từ này được tác giả vận dụng qua lời thoại nhân vật gồm 36 tiểu nhóm. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ mô hình hóa một số nhóm có tần số xuất hiện nhiều để thấy được nét riêng khi vận dụng hệ thống từ xưng hô tiếng Việt một cách linh hoạt của Lưu Quang Vũ trong sáng tác của mình. Cụ thể:

(i) Mô hình 1: *Danh từ thân tộc + Danh từ riêng*

Tổ hợp từ được kết hợp theo mô hình này thường dùng để gọi đối tượng một cách cụ thể, gây sự chú ý. Trong kịch Lưu Quang Vũ, nhóm tổ hợp từ có mô hình này xuất hiện nhiều nhất (662/2.163 tổ hợp từ xưng hô), như: *anh Định, cô Nga, ông Đế Thích, cháu Hạnh, bà Bông, cô Lua, chị Hương, bác Viện, cậu Khương...* Ví dụ:

(7). "Thanh: *Con gái anh đấy ư, anh Việt?*

Hoàng Việt: *Vâng. Đây là cô Thanh, Hạnh a...* [3, 260].

(ii) Mô hình 2: *Danh thân tộc từ + đại từ*

Kiểu kết hợp từ này xuất hiện khá nhiều (có 598/2.163 tổ hợp từ xưng hô) trong lời thoại của nhân vật kịch Lưu Quang Vũ, dùng để chỉ ngôi thứ ba số ít như: *cô ấy, ông ta, anh em ta, cha tôi, anh này, vợ mình, mẹ nó, bác ấy, cô này, ông này...* Ví dụ:

(8). "Ta: - *Cậu Hiền đi vẫn chưa về... Lên trung đoàn gặp ông bố, chắc phải ngủ lại.*

Xuyên: - *Nhưng Hiền bảo sẽ về ngay. Cậu ta cam đoan rằng sẽ không nói gì với ông bố về việc ông ấy bị chính chúng ta trấn...* [2, 19].

(iii) Mô hình 3: *Phụ từ + danh từ thân tộc*

Sử dụng phụ từ chỉ lượng các kết hợp với danh từ thân tộc được dùng ở ngôi thứ 2 số nhiều chiếm số lượng tương đối nhiều 240/2.163 lượt. Việc sử dụng phụ từ chỉ số lượng trước danh từ thân tộc tạo được sự gần gũi, rút gần khoảng cách giao tiếp nơi công sở, như: *các anh, các cô, các em, các cậu...* Ví dụ:

(9). "Thế Anh: *Không nổi tiếng đâu nhưng Thế Anh thì có. Còn... các cô... trong các cô... ai là Nhâm?*

Cô nghịch ngọc: *Đây, chị Nhâm của chúng em*" [3, 324].

(iv) Mô hình 4: *Danh từ chung + danh từ riêng*

Tổ hợp từ này được dùng 135/2.163 lượt cho ngôi thứ 2 số ít và ngôi thứ 3 để thể hiện các mối quan hệ khác nhau: thái độ tôn trọng (*đồng chí Hoàng Việt, đồng chí Trần Trí To, đồng chí Hân...*); thái độ thiếu tôn trọng hoặc với đối tượng bằng tuổi, nhỏ tuổi hơn mình (*lão Trương, thằng Thách, thằng Định...*). Ví dụ:

(10). "Trần Khắc: *Đồng chí Việt này, hồi ở quân đội, đồng chí làm công tác gì nhỉ?*

Hoàng Việt: *Tôi chỉ huy một đơn vị công binh*" [3, 229].

(11). "Mười: *Định, Định! Bìa, bìa! Anh em mời cậu ra... ở ngoài kia... đang chờ bìa về... Thằng Thách đã phải nộp cái xe đạp... Thằng Thách thua cuộc, hôm nay cứ gọi là bìa đổ như suối...*

Định: *Anh Mười! Thế nhất: vào phòng giám đốc phải gõ cửa!*" [1, 29]

(v) Mô hình 5: *Phụ từ + danh từ chung*

Dùng phụ từ chỉ lượng các kết hợp với danh từ chung chỉ người có số lượng 111/2.163 lượt, được dùng ở ngôi thứ 2 số nhiều. Tổ hợp này chủ yếu dùng để gọi nhưng cũng chúng có khi dùng để xưng (ngôi thứ nhất) nhưng rất hạn chế. Trong kịch Lưu Quang Vũ, trong các cuộc họp hay khi cuộc thoại có nhiều người tham gia thì thường sử dụng phụ từ các đứng trước các danh từ chung như *đồng chí, bạn, bác sĩ, chiến sĩ...* nhằm mục đích tạo sự khách quan, như: *các đồng chí, các vị, các bạn, các bác sĩ, các người, các chiến sĩ...* Ví dụ:

(12). "Anh công nhân râu quai nón: *Các vị ơi, chúng ta không có việc gì để làm nữa à? Đồng chí giám đốc đã quyết định chị Nga về phân xưởng làm việc, chúng ta có quyền gì mà...*

Trương: - *Tôi có quyền không nhận cô Nga về phân xưởng. Tôi là quản đốc. Yêu cầu các anh để tôi làm việc*" [3, 243].

(vi) Mô hình 6: *Danh từ chung + danh từ chỉ chức vụ, nghề nghiệp*

Tổ hợp từ được cấu tạo theo mô hình này có 74/2.163 lượt nhằm cụ thể đối tượng giao tiếp ở ngôi thứ hai hoặc ngôi thứ ba vắng mặt trong đó kết hợp danh từ đồng chí + danh từ chỉ chức vụ, nghề nghiệp được dùng nhiều như: *đồng chí*

quản đốc, đồng chí bí thư, lão hàng thịt, lão ăn mày... Ví dụ:

(13). "Bác Viện: Thế nào, đồng chí quản đốc, thế là lại ngồi nghỉ à?"

Khuơng: *Trả lời cho khỏe, bác Viện ạ*" [1, 9].

(vii) Mô hình 7: *Danh từ thân tộc + danh từ chỉ chức vụ, nghề nghiệp*

Tổ hợp từ được cấu tạo theo mô hình này thể hiện sự tôn trọng vai giao tiếp của người đối thoại với đối tượng ở ngôi thứ hai hoặc ngôi thứ ba vắng mặt, như: *anh giám đốc, cậu lái xe, bà phó chủ tịch, ông thủy thủ, bác cố vấn*... Ví dụ:

(14). "Ông Quỳch: - Cho phép tôi nói một câu thôi, anh giám đốc ạ, rồi tôi đi ngay, có được không ạ?"

Hoàng Việt: - *Vâng, mời bác*... Hôm nay tôi xuống đây để nghe mà..." [3, 248].

(viii) Mô hình 8: *Danh từ chung + đại từ*

Các tổ hợp từ được kết hợp theo mô hình này thường dùng để chỉ ngôi thứ ba, số ít và nhiều, gồm có 37/2.163 lượt xuất hiện như: *thằng ấy, lũ ấy, đồng chí ấy, thằng này*...

(15). "Vợ Trương Ba: *Chồng mới chết, đã cứ sang rú rú ở nhà, chẳng phải không đúng đắn thì là gì? Phải, mụ ta được cái có nhan sắc, người phẩy phẩy ra, hai con mắt lúng la lúng liếng*...

Trương Ba: *Người ta thế nào liên quan gì đến tôi, bà rồ lần thân!*" [3, 42].

(ix) Mô hình 9: *Danh từ thân tộc + danh từ thân tộc*

Mô hình này xuất hiện 36 lượt được sử dụng cho ngôi thứ 2 và thứ 3 nhằm thể hiện mối quan hệ thân tộc của những người được nhắc đến trong cuộc thoại. Đó là những tổ hợp: *vợ anh, bố cháu, u con, thầy anh, cháu ông, anh cậu, cha mẹ anh, mẹ anh*... Ví dụ:

(16). "Xuyên: - *Nhưng đúng là xấu hổ thật. Làm như chúng mình không hay hôm chút nào! Thế là ăn cướp còn gì. Khổ thân người ta*...

Đôn: - *Tịch thu chứ không phải cướp, tịch thu của bất chính. Chúng mình buộc phải làm như thế, chúng mình còn trông vào đâu? Để đạt tới công bằng thật sự phải có những hi sinh nhất định. Tên béo ấy khổ gì so với em cậu, mẹ cậu ở nhà nào? Đã bảo tớ chịu trách nhiệm hết*..." [2, 7].

(x) Mô hình 10: *Phụ từ + danh từ thân tộc + đại từ*

Các tổ hợp từ được kết hợp theo mô hình này thường dùng để chỉ ngôi thứ ba, số nhiều có 30 lượt như: *các cô ấy, các cụ tôi, các chú ấy, các con tôi, các cậu ấy*... Ví dụ:

(17). "Bà Xuyên: *Thằng Xuyên nhà tôi về?*

Cúc: *Vâng, cùng đi với mấy anh nữa, xách về một bao gạo to tướng. Các anh ấy bảo: Về lần này để cứu bác trai. Các anh ấy nhân bác về ngay!*" [2, 34].

(xi) Mô hình 11: *Chỉ xuất + danh từ riêng*

Mô hình này xuất hiện 28 lần để chỉ ngôi thứ 3 vắng mặt, như: *cái Dũng, cái Ngọc, cái Hà, cái Gái, cái Cà, cái Ty, cái Thủy*... Ví dụ:

(18). "Trương Ba: *Đưa tôi về đi! Sao cứ đứng ở đây mãi? Cái Gái đâu rồi?*

Vợ Trương Ba: *Nó ở nhà mong ông. Nó bảo ông nó không thể nào chết được. Ta về nhà đi ông ơ!*" [3, 38-39].

(xii) Mô hình 12: *Danh từ chức vụ, nghề nghiệp + danh từ riêng*

Khi muốn nhấn mạnh chức vụ, nghề nghiệp, người nói thường đặt từ chỉ chức vụ nghề nghiệp lên trước và danh từ riêng vào sau. Mô hình này xuất hiện 26 lượt, chẳng hạn: *quản đốc Khuơng, giám đốc Hoàng Việt, đại đội trưởng Bằng, thủ trưởng Mối*...

(19). "Đôn: *Đòi huyện, tỉnh? Nhưng bố cậu còn ở đây, sao ta không trình bày với chính bố cậu?*

Hiền: *Không ăn thua, mình biết tính ông cụ, với lại bố mình cũng không nhiều quyền hành lắm đâu... Ta sẽ báo cáo đại đội trưởng Bằng, xin phép đi ba ngày. Cho đi ba ngày trở xuống là quyền của đại đội, không phải báo cáo tiểu đoàn, trung đoàn. Đại đội trưởng Bằng chắc chưa biết lệnh bắt giữ"* [2, 29].

(xiii) Mô hình 13: *Đại từ + danh từ thân tộc*

Mô hình này dùng cho ngôi thứ nhất số nhiều, có 24 lượt dùng và tập trung vào các dạng như: *chúng cháu, chúng em, chúng con, bọn em*... Ví dụ:

(20). "Thanh: *Hai em cứ về xưởng làm việc, chị đi đến bệnh viện một mình được.*

Tuyết: *Không, chúng em đưa chị đi*" [3, 293].

(xiv) Mô hình 14: *Danh từ thân tộc + danh từ chung*

Xuất hiện 12 lượt với các tổ hợp: *ông bạn, chị nhà, bác trai, bà nhà, anh chàng...* được dùng để chỉ ngôi thứ 2 và ngôi thứ 3 số ít. Ví dụ:

(21). "Đôn: *Đừng bíp! Đeo cái cặp căng phồng này, nhón nhác nhìn trước nhìn sau, lại mủi la mây lết một mình lúi vào mé rừng, rõ là đi buôn lậu rồi ông bạn...* Giấy tờ đâu?"

Ông Hà: *Chà, quên mất, cậu lái xe cầm cả...*" [2, 5].

(xv) Mô hình 15: *Danh từ chung + danh từ thân tộc*

Mô hình này có 12 lượt xuất hiện, chủ yếu là kết hợp của danh từ chung *thằng* với danh từ thân tộc để chỉ người thứ 3 số ít có quan hệ thân tộc với người nghe và nhằm thể hiện thái độ không tôn trọng, đó là: *thằng chồng cô, thằng con, thằng cháu...* Ví dụ:

(22). "Anh nhân viên: *Cái con bé, thật đúng là mẹ nào con nấy. Cái thằng chồng cô rồi là khổ đấy.*

Cục: *Anh không được đụng đến chồng tôi, ai làm anh ấy khổ, ai làm chúng tôi khổ? Chính các anh!*" [2, 33].

(xvi) Mô hình: *Danh từ (chung/ riêng/ thân tộc) + tính từ*

Mô hình này xuất hiện không nhiều: 1/Danh từ chung + tính từ có 11 lượt (*cô gái nghịch ngợm, con người trẻ trung may mắn, con người ngang bướng, thằng vua thách cuộc...*); 2/Danh từ riêng + tính từ có 8 lượt (*Dùng ngố, Dùng sâu, Khánh mập, Thế Anh tỉnh lẻ...*); 3/Danh từ thân tộc + tính từ có 7 lượt (*ông thần sầu, ông bíp, cô xinh xinh, chú nhóc, cô bé...*). Mặc dù xuất hiện không nhiều nhưng những mô hình này thể hiện được sự tinh tế và linh hoạt của việc sử dụng từ xưng hô trong kịch Lưu Quang Vũ. Khi sử dụng những kiểu xưng hô này, các nhân vật bộc lộ rõ đặc điểm, tính cách mà không cần miêu tả chi tiết và qua đó cũng thể hiện được thái độ của người nói.

Bên cạnh các mô hình đã mô tả trên, kịch Lưu Quang Vũ còn sử dụng nhiều mô hình khác một cách sáng tạo. Chẳng hạn: *Danh từ chung + danh từ chức vụ + tính từ (đồng chí giám đốc cũ, đồng chí giám đốc mới)*, *Danh từ*

thân tộc + danh từ chức vụ, nghề + danh từ riêng (ông quản đốc Khương, ông cố vấn Trần Trí To), *Danh từ chung + danh từ riêng + từ chỉ đặc điểm (Thằng Thế Anh tỉnh lẻ, lão Trương chuột chù)*.... Tuy nhiên, vì số lượng các tổ hợp từ xưng hô trong các mô hình đó rất ít nên chúng tôi chỉ nêu lên mô hình mà không đi sâu mô tả, phân tích cụ thể.

Có thể nói, cách xưng hô được cấu tạo là tổ hợp từ tuy có số lượt sử dụng không lớn nhưng đã tạo cho lời thoại một tính chất đa dạng, linh hoạt, tránh được sự nhàm chán. Với những kiểu kết hợp rất độc đáo, chúng ta có thể nhận biết đối tượng qua những đặc điểm cơ bản mà từ xưng hô nêu lên. Đây cũng là nghệ thuật để khắc họa nhân vật kịch của Lưu Quang Vũ, giúp khán giả nhận ra chân dung nhân vật.

3. Kết luận

Qua tìm hiểu cách sử dụng từ xưng hô của các nhân vật giao tiếp trong 5 vở kịch tiêu biểu của Lưu Quang Vũ nói trên cho thấy, tần số xuất hiện của từ xưng hô rất đa dạng và phong phú về các kiểu loại. Trong nhiều trường hợp, Lưu Quang Vũ đã có sự sáng tạo trong khi sử dụng từ xưng hô với những kiểu kết hợp độc đáo của tổ hợp từ. Điều này tạo nên nét đặc sắc và sức hấp dẫn trong cách sử dụng ngôn ngữ kịch của Lưu Quang Vũ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đỗ Hữu Châu (2006), *Đại cương ngôn ngữ học (Ngữ dụng học)*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình Ngữ dụng học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Nhiều tác giả (1998), *Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh gửi lại*, Hội Văn học - Nghệ thuật Đà Nẵng, Đà Nẵng.

DÀN LIỆU

Lưu Quang Vũ:

1. (1986), *Nếu anh không đốt lửa*, Bản đánh máy do PGS.TS Lưu Khánh Thơ cung cấp.
2. (1988), *Lời thể thứ 9*, Bản đánh máy do PGS.TS Lưu Khánh Thơ cung cấp.
3. (2013), *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, Nxb Hội Nhà văn; Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội.